I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là:

A. N; B.N^*; C. Q ; D. Z .

Câu 2. Số đối của $\frac{-2}{3}$ là:

A. $\frac{2}{3}$; B. $\frac{3}{2}$; C. $\frac{-3}{2}$; D. $\frac{2}{-3}$.

Câu 3. Trong các số 0,5; $-2\frac{3}{4}$; $\frac{-7}{-15}$; 0; $\frac{-13}{9}$; $\frac{45}{14}$ có bao nhiêu số hữu tỉ dương?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 4. Điểm A biểu diễn số hữu tỉ nào ?

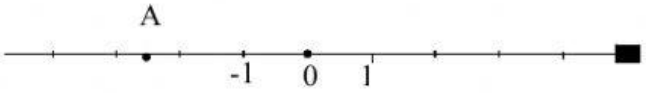

A. $\frac{5}{2}$ B. $\frac{2}{5}$ C. -3 D. $\frac{-5}{2}$

Câu 5. Số mặt của hình hộp chữ nhật $ABCDA'B'C'D'$ là:

A. 3; B.4; C. 5 ; D. 6 .

Câu 6. Đường chéo của hình lập phương EFGH.MNPQ là:

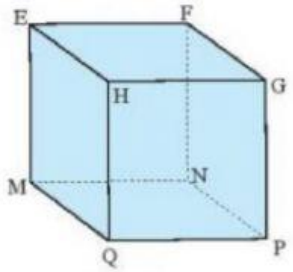

A. EG B.MP C. NQ D. EP

Câu 7. Hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$có $A'B' = 7\ cm$.
Khẳng định nào sau đây đúng?

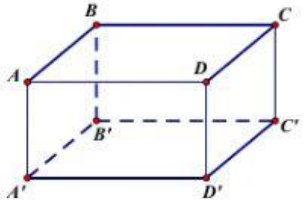

A. $A'D' = 7\ cm$ B. $BC = 7\ cm$ C. $C'D' = 7\ cm$ D. $B'C' = 7\ cm$

Câu 8. Số đỉnh của hình hộp chữ nhật là:

A. 6 ; B. 8; C. 10; D. 12

Câu 9. Trong các hình sau, hình nào là hình lăng trụ đứng tứ giác?

LIVEWORKSHEETS

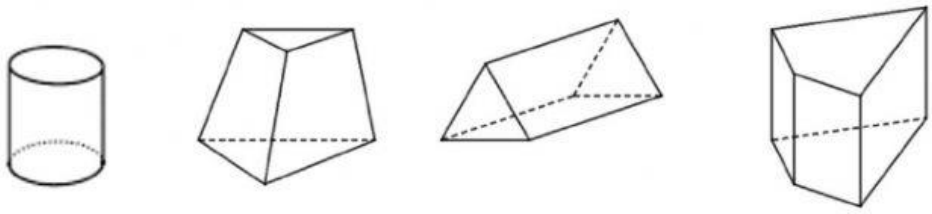

Hình 1 Hình 2 Hình 3 Hình 4

A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 10. Quan sát hình vẽ sau. Mặt bên AA'B'B là hình gì?

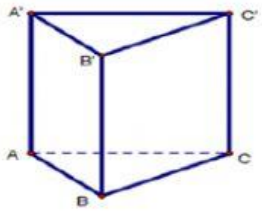

A. Tam giác. B. Hình vuông.

C. Hình chữ nhật D. Hình bình hành.

Câu 11. Mặt đáy của lăng trụ đứng tứ giác ABCD.EFGH là:

A. EABF

B. ABCD

C. FBCG

D. EHDA

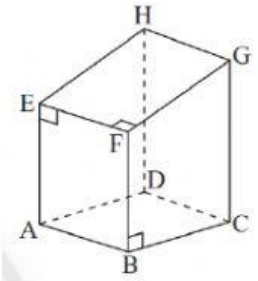

Câu 12. Chiều cao của hình lăng trụ đứng tam giác dưới đây là:

A. 70 cm

B. 90 cm

C. 60 cm

D. 80 cm

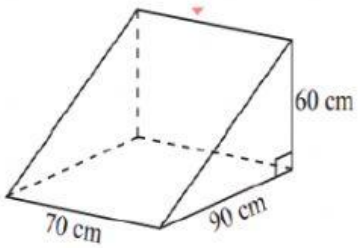

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài 1: Các số $-17;\ -4,5;\ 0$ có là số hữu tỉ không? Vì sao?

$$-17 = \frac{-17}{\quad};\qquad -4,5 = \frac{\quad}{\quad};\qquad 0 = \frac{0}{\quad}$$

Vì

Nên $17;\ -4,5;\ 0$ là các số hữu tỉ

LIVEWORKSHEETS

Bài 2: **(1,5 điểm)** Thực hiện phép tính:

a) $\frac{7}{6} + \frac{1}{6} \cdot \frac{3}{2}$;

$= \frac{7}{6} + \frac{}{4}$

$= \frac{}{24} + \frac{}{24}$

$= \frac{}{12}$

b) $\frac{11}{15} \cdot \frac{-19}{13} + \frac{-7}{13} \cdot \frac{11}{15}$

$= \frac{11}{15} \cdot \left(\frac{}{13} + \frac{}{13} \right)$

$= \frac{11}{15} \cdot \frac{}{13}$

$= \frac{}{}$

LIVEWORKSHEETS

Bài 3: **(1,5 điểm). (TH)** Tìm số hữu tỉ x, biết:

a) $x - \frac{3}{4} = 2\frac{1}{7}$

$$x - \frac{3}{4} = \frac{\quad}{7}$$

$$x = \frac{\quad}{7} + \frac{3}{4}$$

$$x = \frac{\quad}{28} + \frac{\quad}{28}$$

$$x = \frac{\quad}{28}$$

b) $\frac{8}{5} + \frac{2}{5}x = 0,25$

$$\frac{2}{5} . x = \frac{1}{4} \qquad \frac{8}{5}$$

$$\frac{2}{5} . x = \frac{\quad}{\quad}$$

$$x = \frac{\quad}{\quad} : \frac{2}{5}$$

$$x = \frac{\quad}{\quad}$$

LIVEWORKSHEETS

Bài 4: (1,0 điểm). (TH)

Cho hình hộp chữ nhật $ABCD.EFGH$ như hình vẽ, có AD = 6cm, EH = 7cm, BG = 9 cm. Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật này.

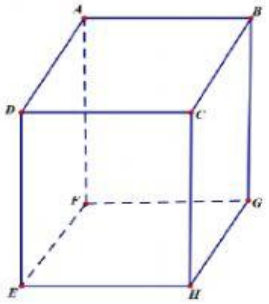

Giải

Diện tích xung quanh

$S_{xq} = 2 . (6 + \quad) . \quad = \quad (cm^2)$

Thể tích của hình hộp chữ nhật

$V = \quad . \ 7 . \quad = \quad (cm^3)$

Bài 5: (0,75 điểm). (TH)

Cho hình lăng trụ đứng tam giác vuông $ABC.DEF$ như hình vẽ. Biết AB = 5 cm, AC = 4 cm, BE = 9 cm. Tính thể tích của hình lăng trụ đứng này.

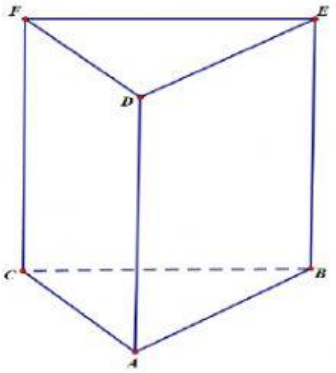

Giải

Diện tích đáy là:

$$s = \frac{4 \ .}{2} = \quad (cm^2)$$

Thể tích của hình lăng trụ đứng là:

$V = \quad . \ 9 = \quad (cm^3)$

LIVEWORKSHEETS